

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ban án số: 22/2017/HNGN-ST

Ngày: 29/5/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHAN DANH**  
**NÖÖC CONG HOA XA HOI CHU NGHÖA VIET NAM**  
**TOA AN NHAN DAN HUYEN CHAU THANH TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Phong – Thẩm phán

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Minh Tân
2. Ông Lê Văn Phước

Thö ky phien toa: Bà Lê Thị Thu Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thanh, tỉnh Đồng Tháp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thanh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2017/TLST- HNGN, ngày 13/3/2017, về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QNST-HNGĐ ngày 12/4/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: tổ 1, ấp Phú Hòa, xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Võ Minh H, sinh năm 1984;

Hộ khẩu thường trú: ấp AB, xã M, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ tạm trú: tổ 01, ấp P H, xã P L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/02/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Võ Minh H quen biết tiền đến chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung với anh H thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 khi chị M sinh con thì anh H qua lại với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng mâu thuẫn. Anh H làm không đóng góp lo cho gia đình, một mình chị M vừa sinh con nhỏ phải lo cho cuộc sống gia đình. Hiện nay chị M không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: chị M và anh H có 01 con chung tên là Lê Nhật H, sinh ngày 15/01/2014, hiện con chung đang sinh sống với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị M rút một phần yêu cầu khởi kiện không còn yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị M và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo các lời khai trong quá trình xét xử bị đơn anh Võ Minh H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận anh và chị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, không có đăng ký kết hôn và không có tổ chức cưới. Anh và chị chung sống hạnh phúc đến khi chị M sinh con Lê Nhật Hào được 02 tháng thì anh và chị M phát sinh mâu thuẫn do chị M cho rằng anh có quen người phụ nữ khác, mặc dù anh đã nhiều lần giải thích nhưng chị M vẫn không tin. Thời gian này anh H bị tai nạn lao động ở tay không đi làm được nên không làm ra tiền từ đó vợ chồng hay gây gổ với nhau. Tháng 8/2016 anh có chuyển đến nhà cậu chị M gần đó để ở nhưng anh vẫn tới lui thăm chị M và con Lê Nhật H. Sau đó một thời gian về nhà anh ruột ở trại giống cách đó khoảng 02km sống thì anh có nghe người khác nói lại là chị M có tình cảm với người con trai khác nên mới yêu cầu ly hôn với anh. Nay anh cho rằng vẫn còn thương chị M nên anh không muốn ly hôn với chị M, tuy nhiên anh H có ý kiến nếu chị M cho anh gặp trực tiếp người con trai mà chị M có tình cảm và người con trai đó hứa trước mặt anh là sẽ lo cho chị M và con anh là Lê Nhật H, hứa không đánh con anh thì anh đồng ý ly hôn

với chị M và giao con cho chị M nuôi. Trong trường hợp chị M cho rằng không có qua lại với người con trai khác thì anh H nêu ý kiến đồng ý ly hôn và giao con chung Lê Nhật Hào cho chị M nuôi dưỡng với điều kiện chị M phải làm cam kết là không chung sống với ai khác cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

- Về con chung: Anh H thống nhất có 01 con chung như chị M trình bày, anh đồng ý để chị M tiếp tục nuôi con với điều kiện chị M phải làm cam kết là không chung sống với ai khác cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, anh không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh H và chị M không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn Võ Minh H không chấp hành đúng qui định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện C xét thấy chị Lê Thị M và anh Võ Minh H chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân không hợp pháp. Về con chung: Chị M yêu cầu được nuôi con chung là có căn cứ, vì vậy nên giao cháu Lê Nhật Hào, sinh ngày 15/01/2014 cho chị M tiếp tục nuôi con. Do chị M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, 27, 53, 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Chị Lê Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của chị và anh H. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị M và anh Võ Minh H quen biết nhau và nảy sinh tình cảm, từ năm 2013 anh và chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, quá trình chung sống chị M và anh H cũng không có hạnh phúc, chị M cho rằng anh H không có trách nhiệm đối với vợ con, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh H không sửa từ đó vợ chồng hay mâu thuẫn. Ngoài ra, khi chị M sinh con nhỏ anh H lại có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện nay, chị M không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn. Tuy nhiên, do chị M và anh H không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên chị M yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh H là có cơ sở, cần được chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;...”*

- Về con chung:

Chị M và anh H thống nhất anh và chị có 01 con chung tên là Lê Nhật H, sinh ngày 15/01/2014, hiện con chung đang sinh sống với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Về phía anh H đồng ý để chị M

tiếp tục nuôi con với điều kiện chị M phải làm cam kết là không chung sống với ai khác cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, và anh không cấp dưỡng.

Xét thấy, hiện nay cháu Nhật H đang sinh sống ổn định với chị M, chị có đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa anh H cũng thừa nhận là thời gian qua cháu có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Nhật Hào cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của chị Mỹ và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu trong cuộc sống. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Việc anh H yêu cầu chị M phải làm cam kết là không chung sống với ai khác cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành là không có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mỹ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị M và anh Võ Minh H đều thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về tố tụng và có ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị M và anh Võ Minh H.

2/. Về con chung:

Sau khi ly hôn chị Lê Thị M được quyền nuôi con chung là cháu Lê Nhật H sinh ngày 15/01/2014 (con chung đang sinh sống với chị M) đến khi trưởng thành hoặc khi chị M và anh H có yêu cầu khác. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị M và anh Võ Minh H thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/. Về án phí:

Chị Lê Thị M nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị M đã nộp ngày 13/3/2017 theo biên lai thu số 10547 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C sẽ được chuyển thành án phí chị M phải nộp. Chị M đã nộp xong.

5/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.<sub>(P)</sub>

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

**Nguyễn Minh Phong**